

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Thực hiện Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (*Quyết định số 36/QĐ-TTg*); Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích: Cụ thể hóa và triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Quyết định số 36/QĐ-TTg phù hợp với tình hình, điều kiện thực tế của tỉnh.

2. Yêu cầu

- Phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh trên cơ sở liên kết giữa mạng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, các nền tảng chuyển đổi số quốc gia, chuyển đổi số của tỉnh; bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, tạo lập môi trường an toàn tin cậy cho phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Ưu tiên sử dụng sản phẩm, giải pháp do người Việt Nam làm chủ.

- Đảm bảo tính tuân thủ, tính kế thừa các chương trình hành động, kế hoạch thực hiện quy hoạch của tỉnh, kế hoạch đầu tư công đã được phê duyệt; đảm bảo tính liên kết, thống nhất giữa các nhiệm vụ, chương trình, dự án của các ngành, các địa phương, doanh nghiệp. Bảo đảm tính khả thi và hiệu quả trong triển khai thực hiện Quyết định số 36/QĐ-TTg.

II. NỘI DUNG

1. Mạng bưu chính

1.1. Định hướng phát triển: Phát triển mạng bưu chính đồng bộ, hiện đại, gắn kết giữa thế giới thực và thế giới số, trở thành một trong những hạ tầng thiết yếu của nền kinh tế số. Mạng bưu chính có tính dự phòng nhằm bảo đảm chuỗi cung ứng toàn vẹn, không đứt gãy trong mọi trường hợp khẩn cấp. Tạo điều kiện, không gian cho phát triển mạng bưu chính công cộng.

1.2. Yêu cầu phát triển

a) Đến năm 2025: Phấn đấu đạt các mục tiêu đến năm 2025 đề ra tại Kế hoạch số 936/KH-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Chiến lược phát triển bưu chính đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

b) Đến năm 2030: Bưu chính trở thành hạ tầng thiết yếu của tỉnh và của nền kinh tế số, thúc đẩy phát triển thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh. Mạng bưu chính công cộng của tỉnh bảo đảm bán kính phục vụ bình quân tối đa 3km/điểm phục vụ; 100% xã có điểm phục vụ bưu chính có người phục vụ; 100% điểm phục vụ bưu chính có khả năng phục vụ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

1.3. Phương án phát triển

a) Mạng bưu chính công cộng

- Duy trì và phát huy hiệu quả mạng bưu chính công cộng; rà soát, phát triển điểm phục vụ bưu chính tại những xã chưa có điểm phục vụ.

- Các doanh nghiệp đóng chân trên địa bàn phân đầu mỗi huyện có 01 điểm phục vụ và phát triển đến các xã có điều kiện thuận lợi, góp phần mở rộng và phát triển cơ sở hạ tầng vận tải & logistics, chuyển phát bưu gửi, gói, kiện hàng hóa.

- Các địa phương xem xét bố trí quỹ đất theo kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và các thủ tục cần thiết để doanh nghiệp bưu chính phát triển điểm phục vụ.

b) Mạng bưu chính KT1: Phối hợp với Cục Bưu điện Trung ương trong việc tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh cho mạng bưu chính đảm bảo cho việc cung cấp dịch vụ bưu chính KT1 phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã.

2. Hạ tầng viễn thông

2.1. Định hướng phát triển

- Mạng viễn thông băng rộng bảo đảm dung lượng lớn, tốc độ cao, công nghệ hiện đại, hạ tầng Internet vạn vật (IoT) được tích hợp rộng rãi bảo đảm phát triển hài hòa, phục vụ tốt chuyển đổi số, Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và an ninh - quốc phòng.

- Phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông di động 5G và mạng viễn thông di động thế hệ tiếp theo (6G...) trên cơ sở tận dụng hạ tầng viễn thông di động hiện có, tăng cường chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông.

2.2. Yêu cầu phát triển

a) Đến năm 2025:

- Mạng băng rộng cố định phổ cập được tới tất cả các thôn/làng, bảo đảm 100% số hộ gia đình có khả năng tiếp cận cáp quang khi có nhu cầu với 90% người sử dụng có thể truy nhập Internet cố định, tốc độ trung bình 200Mb/s; 90% các tổ chức kinh tế - xã hội như doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, trường học, bệnh viện, công sở tại khu vực thành thị có thể truy nhập Internet với tốc độ trung bình 1Gb/s.

- Mạng băng rộng di động có tốc độ tải xuống trung bình tối thiểu 40Mb/s cho mạng 4G và 100Mb/s cho mạng 5G; 100% dân số ở độ tuổi trưởng thành có điện thoại thông minh.

- 100% cơ quan Đảng, Nhà nước từ tỉnh đến cấp xã được kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước.

- Nghiên cứu ứng dụng IoT trong một số lĩnh vực ưu tiên như: đô thị thông minh, giao thông thông minh, nông nghiệp thông minh, quản lý tài nguyên, môi trường,...

- 100% cơ quan, ban, ngành, địa phương hoàn thiện chuyển đổi IPv6 cho hệ thống công nghệ thông tin có kết nối Internet, sẵn sàng triển khai thuần IPv6.

b) Đến năm 2030:

- Hạ tầng mạng truy cập băng rộng cố định được đầu tư, nâng cấp bảo đảm 100% người sử dụng có khả năng truy nhập với tốc độ trên 1Gb/s.

- Mạng băng rộng di động 5G phủ sóng 99% dân số, hướng tới phát triển mạng di động tiên tiến thế hệ tiếp theo.

- Hệ thống truyền dẫn, phát sóng phát thanh số có khả năng cung cấp chương trình và các dịch vụ giá trị gia tăng có chất lượng cao tại khu vực thành phố Kon Tum và các khu vực thuận lợi.

2.3. Phương án phát triển

a) Mạng viễn thông công cộng:

- Duy trì và nâng cấp các tuyến cáp quang hiện có trên địa bàn tỉnh.

- Chuyển đổi toàn bộ mạng Internet của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh sang ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6) theo Kế hoạch số 3076/KH-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh¹.

- Ứng dụng công nghệ mới như DNSSEC, IPv6; tăng cường chất lượng, độ tin cậy khi truy cập, sử dụng các dịch vụ Internet phục vụ phát triển hạ tầng số, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số một cách an toàn, tin cậy.

- Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ, chuyên ngành trong triển khai chính quyền số gắn kết với phát triển đô thị thông minh, giao thông thông minh, nông nghiệp thông minh, quản lý tài nguyên, môi trường,...

- Thúc đẩy việc triển khai chương trình “Mỗi hộ gia đình một đường cáp quang”. Đẩy mạnh đầu tư, xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng cố định tốc độ cao (Gb/s, Tb/s), tăng cường phát triển thuê bao băng rộng cố định FTTH tới hộ gia đình. Hoàn thành việc chuyển đổi mạng cáp đồng sang cáp quang, cung cấp dịch vụ truy cập với tốc độ cao, lựa chọn băng thông linh hoạt cho người dùng với tốc độ trên 200Mb/s. Hiện thực hóa việc truy cập cáp quang đến các thôn/làng, cung cấp dịch vụ truy cập với tốc độ trên 200Mb/s ở những nơi có điều kiện, đạt được lựa chọn linh hoạt băng thông 100Mb/s cho 95% người dùng hộ gia đình nông thôn.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ truyền dẫn quang tốc độ siêu cao, dung lượng lớn tại 100% các cơ quan nhà nước, các tổ chức kinh tế - xã hội như

¹ Kế hoạch chuyển đổi, triển khai hệ thống mạng, bảo mật internet IPv6 và hệ thống phân giải tên miền DNSSEC tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025.

trường học, bệnh viện..., tại các đô thị, các khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, trung tâm nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo có truy nhập Internet. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội gắn với triển khai chương trình “Mỗi người dân một máy điện thoại thông minh”.

b) Mạng truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình:

- Phát thanh: Duy trì hệ thống phát thanh tương tự tại các cơ quan báo chí song song với các hệ thống phát thanh số.

- Truyền hình: Khai thác, sử dụng các dịch vụ truyền hình vệ tinh, truyền hình số mặt đất, truyền hình qua mạng cáp, truyền hình Internet băng rộng, các ứng dụng trên các thiết bị di động thông minh,...

c) Mạng viễn thông dùng riêng phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước:

- Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước: Triển khai mạng truyền số liệu chuyên dùng thống nhất, ổn định, an toàn, thông suốt, kết nối bốn cấp hành chính từ Trung ương đến cấp tỉnh và từ cấp tỉnh đến cấp xã, kết nối các thành phần của Chính phủ số, Chính quyền số.

- Mạng điện báo Hệ đặc biệt phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước: Bảo đảm nhu cầu liên lạc thường xuyên và các nhu cầu liên lạc cơ mật, khẩn cấp từ lãnh đạo Đảng, Nhà nước, đến các đầu mối trực thuộc quan trọng.

- Mạng điện thoại Hệ đặc biệt phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước: Bảo đảm thông tin thông suốt, an toàn bảo mật trong mọi tình huống, phục vụ hiệu quả, kịp thời yêu cầu thông tin liên lạc của các cơ quan Đảng và Nhà nước, đặc biệt trong những trường hợp khẩn cấp, cơ mật.

3. Hạ tầng trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây

3.1. Định hướng phát triển

- Hình thành trung tâm dữ liệu hiện đại, theo tiêu chuẩn xanh, bám sát quy hoạch vùng năng lượng; đảm bảo kết nối đồng bộ, dữ liệu liên thông với trung tâm dữ liệu quốc gia và trung tâm dữ liệu vùng; đáp ứng yêu cầu về an toàn và chất lượng dịch vụ.

- Ưu tiên, khuyến khích sử dụng điện toán đám mây do doanh nghiệp Việt Nam làm chủ, phục vụ kết nối, quản lý các nguồn lực, dữ liệu một cách linh hoạt, ổn định và hiệu quả, tuân thủ chặt chẽ quy định về an toàn thông tin mạng.

- Duy trì việc kết nối nền tảng điện toán đám mây của địa phương với nền tảng điện toán đám mây Chính phủ theo mô hình do Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn đồng thời kết nối với đám mây của các doanh nghiệp đáp ứng được yêu cầu nghiệp vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phục vụ Chính phủ số để đảm bảo việc lưu trữ, liên thông chia sẻ dữ liệu sử dụng chung.

3.2. Yêu cầu phát triển

a) Đến năm 2025:

- Phát triển trung tâm dữ liệu theo hướng thuê dịch vụ đáp ứng theo tiêu chuẩn kỹ thuật của Trung tâm dữ liệu quốc gia để tích hợp vào nền tảng điện toán đám mây dùng chung phục vụ việc triển khai hệ thống dùng chung của tỉnh

đáp ứng quy định tại Nghị quyết số 175/NQ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia.

- 100% các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh dùng hệ sinh thái điện toán đám mây phục vụ chính quyền số.

- 70% doanh nghiệp Việt Nam sử dụng dịch vụ điện toán đám mây do doanh nghiệp trong nước cung cấp.

b) Đến năm 2030: 100% cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhà nước và trên 50% người dân sử dụng các dịch vụ điện toán đám mây do doanh nghiệp trong nước cung cấp.

3.3. Phương án phát triển

- Hoàn thành việc nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh, chuyển dịch sang sử dụng nền tảng điện toán đám mây. Tận dụng lợi thế vùng về hạ tầng kết nối, hạ tầng giao thông, nguồn nhân lực, căn cứ vào nhu cầu phát triển và có tính đến các yếu tố về quốc phòng, an ninh. Đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn quốc tế về trung tâm dữ liệu, bảo đảm đáp ứng các tiêu chuẩn về môi trường.

- Kết nối nền tảng điện toán đám mây của các cơ quan nhà nước tại địa phương với nền tảng điện toán đám mây Chính phủ theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

4. Hạ tầng ứng dụng công nghệ thông tin

4.1. Định hướng phát triển

- Ưu tiên tập trung nguồn lực triển khai các nền tảng số có tính chất hạ tầng phục vụ nhiều ứng dụng, dịch vụ, đóng vai trò là nền tảng số dùng chung cho nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội, phục vụ các hoạt động thiết yếu của xã hội trên môi trường số.

- Nền tảng số là hệ thống thông tin phục vụ các giao dịch điện tử trực tuyến, cho phép nhiều bên cùng tham gia để giao dịch, cung cấp dịch vụ cho các tổ chức, cá nhân, có thể sử dụng ngay, đơn giản, thuận tiện, linh hoạt theo yêu cầu, dễ dàng phổ biến trên diện rộng, các bên tham gia không cần tự đầu tư, quản lý, vận hành, duy trì.

4.2. Yêu cầu phát triển

a) Đến năm 2025:

Đạt và vượt các mục tiêu đến năm 2025 đề ra tại các kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể: Kế hoạch số 3894/KH-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2020², Kế hoạch số 1319/KH-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2022³, Kế hoạch số 3549/KH-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2022⁴.

b) Đến năm 2030: Vận hành thông suốt các nền tảng số quốc gia trên địa bàn tỉnh. Mọi người dân được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ số tiên tiến với chất lượng cao, giá cước phù hợp.

² Về triển khai thực hiện Chương trình Chuyển đổi quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

³ Về phát triển Chính quyền số tỉnh Kon Tum đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

⁴ Về thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

4.3. Phương án phát triển

- Ứng dụng hiệu quả các nền tảng số quy mô quốc gia, phục vụ người dân, doanh nghiệp, cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.
- Thu thập, củng cố và hoàn thiện dữ liệu chủ, cơ sở dữ liệu dùng chung trong cơ sở dữ liệu của tỉnh phục vụ ứng dụng dịch vụ chính quyền số trong cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh. Rà soát cập nhật cơ sở dữ liệu, đề xuất bổ sung Danh mục dữ liệu chủ, dữ liệu dùng chung của tỉnh theo Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2023⁵.
- Duy trì, phát triển nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh Kon Tum kết nối liên thông với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia.
- Phát triển kho dữ liệu dùng chung và lộ trình cung cấp các nền tảng số tổng hợp, phân tích dữ liệu cấp tỉnh phục vụ trực tiếp công tác chỉ đạo điều hành và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.
- Ưu tiên sử dụng công nghệ số, nền tảng số trong ứng phó với các tình huống khẩn cấp như sức khỏe cộng đồng, thiên tai, tai nạn, thảm họa và an sinh xã hội, nâng cao toàn diện khả năng cảnh báo sớm và ứng phó khẩn cấp; phát triển các dịch vụ đô thị thông minh phù hợp điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế, ưu tiên phát triển trước các dịch vụ giải quyết các vấn đề bức thiết, các vấn đề lớn trong phát triển kinh tế - xã hội⁶ và phải bảo đảm hiệu quả, tránh hình thức, lãng phí.
- Tổ chức đánh giá hiện trạng hạ tầng Internet vạn vật (IoT) đã đầu tư của các tổ chức, cá nhân, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh; xác định được nhu cầu ứng dụng IoT trong các lĩnh vực như đô thị thông minh, giao thông thông minh, nông nghiệp thông minh, quản lý tài nguyên, môi trường,... lựa chọn các lĩnh vực ưu tiên phát triển phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

5. An toàn thông tin mạng, an ninh mạng

5.1. Định hướng phát triển

- An toàn thông tin mạng, an ninh mạng là điều kiện tiên quyết, gắn kết, song hành với hoạt động chuyển đổi số trong toàn bộ quá trình thiết kế, thử nghiệm, đánh giá, vận hành, khai thác.
- Ứng dụng các giải pháp, nền tảng bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng phục vụ chính quyền số, kinh tế số, xã hội số phát triển ổn định, bền vững, góp phần bảo đảm an ninh quốc gia.
- Chú trọng triển khai các hệ thống, nền tảng bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng cho người dân và bảo mật dữ liệu, giao dịch điện tử trên môi trường mạng.
- Phổ cập công cụ, dịch vụ an toàn thông tin mạng cơ bản cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và toàn thể người dân.

⁵ Của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu mở tỉnh Kon Tum.

⁶ Như: tác nghẽn giao thông, ô nhiễm môi trường, phát triển du lịch, phát triển y tế, phát triển giáo dục, nông nghiệp, quản lý trật tự xã hội, trật tự xây dựng,...

5.2. Yêu cầu phát triển

a) Đến năm 2025:

- 100% hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước được bảo đảm an toàn theo cấp độ hệ thống thông tin.
- 100% thiết bị đầu cuối của các cơ quan nhà nước được cài đặt giải pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng.
- Thực hiện bảo đảm an toàn thông tin mạng theo mô hình 4 lớp.
- Mỗi cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có tối thiểu 01 nhân sự (*chuyên trách hoặc kiêm nhiệm*) về an toàn thông tin mạng.
- 100% người sử dụng Internet được tiếp cận thông tin, tài liệu nâng cao nhận thức, kỹ năng và công cụ, dịch vụ an toàn thông tin mạng cơ bản thông qua các hình thức phù hợp.
- Mỗi người dân có tối thiểu 01 công cụ bảo vệ an toàn thông tin mạng.

b) Đến năm 2030:

- Tiếp tục duy trì, phát triển các hệ thống giám sát an toàn thông tin của tỉnh (*hệ thống đảm bảo an toàn thông tin SOC tỉnh Kon Tum; Hệ thống giám sát mã độc tập trung của tỉnh...*).
- Đẩy mạnh công tác bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao nhận thức và trang bị kỹ năng an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; tuyên truyền nâng cao nhận thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho người dân trên không gian mạng.

5.3. Phương án phát triển

a) Bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ

- Các đơn vị, địa phương tập trung rà soát, hoàn thành việc phân loại, xác định và phê duyệt đề xuất cấp độ an toàn đối với các hệ thống thông tin từ cấp độ 1 đến cấp độ 5 (nếu có) đang vận hành (*hoàn thành trong tháng 9 năm 2024*).
- Triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo hồ sơ đề xuất cấp độ được phê duyệt (*hoàn thành trong tháng 12 năm 2024*).
- Sử dụng Nền tảng hỗ trợ quản lý bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ theo Văn bản số 387/CATTT-ATHTTT ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Cục An toàn thông tin.

b) Bảo đảm an toàn thông tin mạng theo mô hình 4 lớp⁷:

- Về lực lượng tại chỗ: Nâng cao năng lực cho lực lượng tại chỗ theo hướng chuyên nghiệp, cơ động, có tối thiểu 05 chuyên gia an toàn thông tin mạng (*bao gồm cả chuyên gia thuê ngoài*) thông qua hoạt động đào tạo, tuyển dụng hoặc thuê ngoài chuyên gia.
- Về giám sát, bảo vệ chuyên nghiệp: Mở rộng phạm vi giám sát, bảo vệ cho 100% hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý. Đối với các hệ thống thông

⁷ Lực lượng tại chỗ; Tổ chức hoặc doanh nghiệp giám sát, bảo vệ chuyên nghiệp; Tổ chức hoặc doanh nghiệp độc lập kiểm tra, đánh giá định kỳ; Kết nối, chia sẻ thông tin với hệ thống giám sát quốc gia.

tin cấp độ 3 trở lên, khuyến nghị tổ chức giám sát, bảo vệ đầy đủ các lớp như: lớp mạng, lớp ứng dụng, lớp cơ sở dữ liệu, lớp thiết bị đầu cuối.

- Về kiểm tra, đánh giá định kỳ theo Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ⁸:

+ Tối thiểu 80% hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý.

+ 100% hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên.

+ Rà soát danh sách các website (.gov.vn) bao gồm cả các sub domain để tiến hành đánh giá an toàn thông tin định kỳ và triển khai gắn nhãn tín nhiệm mạng cho các website.

- Về kết nối, chia sẻ thông tin với hệ thống giám sát quốc gia: Duy trì kết nối ổn định, chia sẻ đầy đủ dữ liệu giám sát theo thời gian thực về Hệ thống giám sát quốc gia.

c) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và phổ biến kỹ năng về an toàn thông tin mạng: Tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức, phổ biến kỹ năng cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân thông qua các hình thức như: Sự kiện, mạng xã hội, website, hệ thống thư điện tử, tin nhắn SMS, các ứng dụng thông minh...; Hệ thống thông tin cơ sở; tham gia hưởng ứng mạnh mẽ Chiến dịch Tuyên truyền nâng cao nhận thức về an toàn thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông phát động; các hình thức phù hợp khác.

6. Công nghiệp công nghệ thông tin: Đến năm 2030, phần đầu thu hút sự đầu tư, phát triển các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ, sản phẩm công nghệ số, sản phẩm công nghiệp phần cứng công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông để giải quyết các bài toán xã hội, chuyển đổi số của tỉnh, khu vực.

III. TẦM NHÌN ĐẾN 2050

Hạ tầng thông tin và truyền thông bảo đảm: (i) Tăng cường thông minh dựa trên dữ liệu và các công nghệ mới. (ii) Xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu. (iii) Bao phủ, kết nối đa tầng không gian (*mặt nước, lòng nước, mặt đất, lòng đất, vùng trời*) và đa chiều giữa các tầng. (iv) Hợp nhất an toàn toàn bộ thế giới vật lý với thế giới số nhằm thích ứng trước mọi biến động phức tạp, khẩn cấp; mở rộng không gian hoạt động; đáp ứng phát triển bền vững mọi mặt đời sống chính trị, kinh tế, xã hội, môi trường, an ninh, quốc phòng.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Về cơ chế, chính sách

- Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đề khuyến khích đổi mới, sáng tạo, huy động đa dạng nguồn lực phát triển hạ tầng, thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực thông tin, truyền thông và bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng.

- Triển khai các cơ chế khuyến khích gắn kết các công trình hạ tầng thông tin và truyền thông với các công trình phát triển công nghiệp công nghệ số, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số theo hướng hình thành hệ sinh thái để nâng

⁸ Về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

cao hiệu quả khai thác các nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế, xã hội và bảo đảm quốc phòng an ninh.

- Tập trung xử lý, giải quyết các khó khăn, vướng mắc, nhất là về cơ chế, chính sách ưu đãi, thủ tục pháp lý để tăng cường thu hút và đầu tư, xây dựng, triển khai các dự án hạ tầng thông tin và truyền thông trên địa bàn.

- Huy động nguồn lực phục vụ phát triển an toàn thông tin mạng, an ninh mạng. Bảo đảm kinh phí cho công tác an toàn thông tin mạng, an ninh mạng; Bố trí kinh phí chi cho an toàn thông tin mạng, an ninh mạng đạt tối thiểu 10% kinh phí chi cho khoa học công nghệ, chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin.

2. Huy động nguồn lực

- Chủ động huy động nguồn vốn hợp pháp, bố trí ngân sách địa phương để xây dựng, triển khai các đề án/dự án phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông.

- Ưu tiên bố trí vốn đầu tư công để thực hiện các dự án phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông phù hợp với quy hoạch ngành, lĩnh vực.

- Huy động nguồn lực xã hội trong việc xây dựng hạ tầng thông tin và truyền thông theo hướng các doanh nghiệp cùng đầu tư, sử dụng chung hạ tầng, đặc biệt là phát triển các nền tảng bưu chính, hạ tầng băng rộng, trung tâm dữ liệu.

- Xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng viễn thông thụ động sử dụng chung như: cột ăng ten; cột treo cáp, cống, bể, cáp,...

- Triển khai các cơ chế, chính sách về vốn, đầu tư, giải pháp công nghệ, mô hình kinh doanh phù hợp để thu hút đầu tư hạ tầng số, hạ tầng bưu chính.

- Kêu gọi thực hiện các dự án đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng hạ tầng thông tin và truyền thông sử dụng các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công.

3. Bố trí, quản lý quỹ đất

- Các doanh nghiệp căn cứ nhiệm vụ phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông đề xuất nhu cầu sử dụng đất (*5 năm, hàng năm*) gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện và Sở Thông tin và Truyền thông.

- Căn cứ nhu cầu của doanh nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát, bổ sung kế hoạch sử dụng đất cho hạ tầng thông tin và truyền thông, đảm bảo theo quy định và phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

4. Phát triển nguồn nhân lực

- Tổ chức triển khai các chương trình, kế hoạch, đề án đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông, nâng cao trình độ chuyên môn và kiến thức cho đội ngũ tham gia quản lý và phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông. Bồi dưỡng, tập huấn với nhiều hình thức, phương thức (*trực tuyến, trực tiếp, các buổi trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, cung cấp, cập nhật thông tin, ...*).

- Chủ động liên kết với các viện, trường, trung tâm nghiên cứu và các đối tác trong, ngoài nước, đẩy mạnh hợp tác với trường đại học tại địa phương để

đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ hiện có, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu để trở thành các chuyên gia nòng cốt tham mưu cấp ủy, chính quyền các cấp về phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông...

5. Truyền thông, tuyên truyền, nâng cao nhận thức và thực thi pháp luật phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông

- Triển khai các hoạt động truyền thông, tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và toàn xã hội về vai trò, ý nghĩa của phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông; về lợi ích của việc chuyển đổi từ hạ tầng công nghệ thông tin đơn lẻ sang điện toán đám mây.

- Tổ chức các hội thảo, hội nghị về hạ tầng thông tin và truyền thông, kết hợp với cơ quan báo chí tuyên truyền, phổ biến và kích lệ tinh thần, động lực trong việc phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông.

- Xúc tiến đầu tư, kêu gọi các đối tác quốc tế, các doanh nghiệp công nghệ, nhà đầu tư tham gia tại các diễn đàn đầu tư về phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông.

- Các đơn vị, địa phương tham gia chia sẻ câu chuyện thành công và bài học kinh nghiệm từ các dự án; tổ chức các sự kiện truyền thông để quảng bá về hoạt động, dự án phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được bố trí từ dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm của tỉnh theo phân cấp ngân sách hiện hành, lồng ghép từ nguồn kinh phí thực hiện một số chương trình, đề án có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hoặc từ nguồn đóng góp, tài trợ của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong, ngoài tỉnh và các nguồn hợp pháp khác.

2. Căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này, các sở, ngành, địa phương xây dựng dự toán thực hiện và tổng hợp vào dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm gửi cơ quan tài chính cùng cấp hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Các doanh nghiệp trong ngành thông tin và truyền thông bố trí kinh phí và các nguồn lực của doanh nghiệp để thực hiện các nhiệm vụ Kế hoạch này.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương:

+ Tổ chức thực hiện Kế hoạch này và Quyết định số 36/QĐ-TTg đảm bảo hiệu quả, đúng quy định, hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông⁹ và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

+ Rà soát, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét cho chủ trương thực hiện nhóm các dự án hạ tầng thông tin và truyền thông ưu tiên đầu tư, được Thủ

⁹ Tại Văn bản số 1650/BTTTT-VCL ngày 01/5/2024.

tướng Chính phủ phân công địa phương chủ trì tại Mục II Phụ lục kèm theo Quyết định số 36/QĐ-TT đảm bảo theo quy định.

+ Hướng dẫn các doanh nghiệp xây dựng hạ tầng số, công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đúng các quy định của pháp luật; tăng cường sử dụng chung hạ tầng viễn thông, sử dụng chung hạ tầng viễn thông với hạ tầng của ngành khác.

+ Phát triển nguồn nhân lực, nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong quản lý và phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông.

- Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc bố trí ngân sách hàng năm thực hiện Kế hoạch này.

- Nghiên cứu tham mưu các thể chế, chính sách khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông theo quy định của pháp luật.

- Là đầu mối phối hợp các cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện Quyết định số 36/QĐ-TTg trên địa bàn tỉnh; triển khai các giải pháp định hướng, tạo điều kiện cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh phát triển, nâng cao chất lượng dịch vụ, năng lực cạnh tranh.

- Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện. Định kỳ tổ chức đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện gửi Bộ Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Sở Tài chính: Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông, các đơn vị, địa phương có liên quan tham mưu trình cấp thẩm quyền bố trí kinh phí sự nghiệp thực hiện Kế hoạch này theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản quy định hiện hành, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương và phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí nguồn vốn đầu tư phát triển để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch này theo quy định của Luật đầu tư công và pháp luật có liên quan.

- Trong công tác xúc tiến đầu tư, quan tâm các giải pháp thu hút đầu tư, phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Giao thông vận tải: Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc xây dựng hạ tầng thông tin và truyền thông, công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động phù hợp với quy hoạch phát triển giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Xây dựng: Phối hợp triển khai việc tích hợp các thành phần của hạ tầng thông tin và truyền thông trong các công trình xây dựng. Hướng dẫn việc cấp giấy phép xây dựng công trình xây dựng thuộc hạ tầng thông tin và truyền thông theo quy định.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, thực hiện và giải quyết vấn đề về sử dụng đất xây dựng hạ

tầng thông tin và truyền thông, công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động theo quy định.

7. Công an tỉnh:

- Chủ trì, phối hợp với các địa phương, đơn vị có liên quan bảo vệ an toàn cơ sở hạ tầng thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức theo dõi, tiếp nhận thông tin, phối hợp kiểm tra, xử lý hành vi phá hoại, xâm phạm cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định pháp luật.

8. Các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông bảo đảm sự đồng bộ giữa các kế hoạch ngành phụ trách với Kế hoạch này; đồng thời chủ động phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này.

- Tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy của cán bộ, công chức, viên chức về tầm quan trọng của quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông.

- Ưu tiên bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch (nếu có).

9. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

- Theo chức năng nhiệm vụ, thực hiện quản lý nhà nước về hạ tầng thông tin và truyền thông theo quy định của pháp luật; tăng cường sử dụng chung cơ sở hạ tầng liên ngành.

- Xây dựng và triển khai các quy hoạch, kế hoạch, các dự án trên địa bàn bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với Kế hoạch này. Cập nhật nội dung quy hoạch địa phương bảo đảm tuân thủ các định hướng phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông.

10. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Kon Tum, Cổng thông tin điện tử tỉnh: Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền các nội dung Kế hoạch này và Quyết định số 36/QĐ-TTg, nhằm tạo sự đồng thuận của người dân và xã hội, hiểu rõ mục đích, ý nghĩa và chung tay xây dựng, phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của tỉnh.

11. Các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực thông tin và truyền thông

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, quy hoạch phát triển của doanh nghiệp phù hợp với Kế hoạch này.

- Đầu tư, nâng cấp và mở rộng hạ tầng thông tin và truyền thông để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh.

12. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh: Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát và tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện Kế hoạch này.

Căn cứ Kế hoạch, các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện theo quy định. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các đơn vị, địa phương gửi Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đơn vị thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- VP UBND tỉnh: CVP, các PCVP;
- Các Doanh nghiệp thông tin và truyền thông;
- Lưu: VT, KGVX_{TPC}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Y Ngọc